

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: 416.HUD.VN/VP
Ngày 29 tháng 11 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ XÃ HỘI – HUD.VN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021



PHỤ TRÁCH TC - HC
Khương Thị Ngọc Nhung



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-19

\\c
M
★
E
/



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Tuấn
Ông Lê Sỹ Cường
Ông Trần Văn Long
Ông E.õ Khánh Toàn

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Ủy viên HĐQT
Ủy viên HĐQT
Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Lê Sỹ Cường
Ông Trần Văn Long

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Lê Thu Hà

Chức vụ

Trưởng ban

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được Công ty TNHH Kiểm toán KDG Việt Nam kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ XÃ HỘI – HUD.VN

toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc;



Lê Sỹ Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 07 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KDG VIỆT NAM
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Tầng 4 nhà C Số 125 phố Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: 024. 6295 5500 - Fax: 024. 6295 5500 - Web: www.kdgvietnam.vn

Số: 196 /2021/BCTC-KDGVietnam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ XÃ HỘI – HUD.VN

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán KDG Việt Nam (KDG Việt Nam), đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 07 năm 2021, bao gồm Bảng cân đối kế toán lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 05 đến trang 19. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lưu Quang Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHNKT: 3972-2017-261-1

Vũ Tạ Cao
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHNKT: 4440-2019-261-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KDG VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

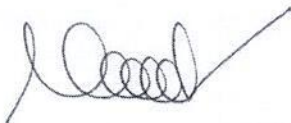
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
I	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		220.567.533.273	220.424.703.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	164.326.695.509	142.475.059.596
1. Tiền	111		25.863.087.858	93.966.997.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		138.463.607.651	48.508.062.445
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.658.878.142	26.994.788.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.474.212.955	19.714.934.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.584.459.409	1.683.459.409
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.600.205.778	5.596.394.810
IV. Hàng tồn kho	140		33.269.308.695	46.153.002.199
1. Hàng tồn kho	141	V.6	33.269.308.695	46.153.002.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.312.650.927	4.801.852.922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	356.060	2.492.424
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.302.256.130	3.142.898.718
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	2.010.038.737	1.656.461.780
B. Tài sản dài hạn	200		8.443.076.011	8.592.348.238
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.752.662	155.291.972
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.752.662	155.291.972
- Nguyên giá	222		5.637.687.389	5.637.687.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.618.934.727)	(5.482.395.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		36.500.000	36.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.500.000)	(36.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	8.410.332.099	8.410.332.099
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.640.000.000	8.640.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(229.667.901)	(229.667.901)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.991.250	26.724.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	13.991.250	26.724.167
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229.010.609.284	229.017.051.477

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	300		4.143.379.628	4.450.401.241
I. Nợ ngắn hạn	310		4.143.379.628	4.450.401.241
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	172.948.747	665.051.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.495	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	49.791.461	156.384.381
4. Phải trả người lao động	314		248.734.899	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		856.442.603	900.906.103
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.048.810.362	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.045.158.637	893.465.282
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		543.934.711	1.817.038.830
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		177.554.713	17.554.713
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		224.867.229.656	224.566.650.236
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	224.867.229.656	224.566.650.236
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		221.195.650.000	221.195.650.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.412.594.774	1.412.594.774
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.258.984.882	1.958.405.462
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.010.609.284	229.017.051.477



Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2021

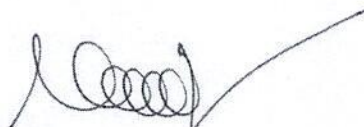


Ông Lê Sỹ Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

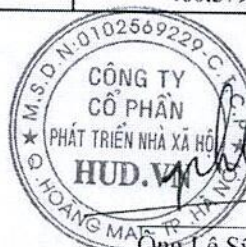
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.678.019.615	19.200.000.000
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.678.019.615	19.200.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.952.335.002	15.317.500.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		725.684.613	3.882.500.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.352.126.494	3.154.639.678
7. Chi phí tài chính	22		-	-
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.794.377.056	5.239.165.403
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(716.565.949)	1.797.974.275
11. Thu nhập khác	31	VI.4	1.184.768.432	3.146.790
12. Chi phí khác	32	VI.5	7.623.063	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.177.145.369	3.146.790
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		460.579.420	1.801.121.065
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	380.224.213
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		460.579.420	1.420.896.852



Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2021



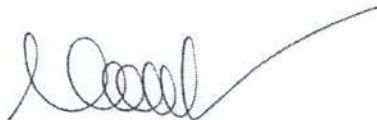
Ông Lê Sỹ Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		26.093.529.183	18.803.580.764
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(805.058.035)	(5.207.092.821)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.255.843.639)	(6.435.027.590)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(353.576.957)	(1.943.134.505)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		110.147.483.766	3.026.220.386
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.371.479.694)	(22.741.046.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.455.054.624	(14.496.500.613)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(249.238.465.753)	(93.392.656.061)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		159.282.920.548	81.100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.352.126.494	3.154.639.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87.603.418.711)	(9.138.016.383)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		21.851.635.913	(23.634.516.996)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	142.475.059.596	63.412.302.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	164.326.695.509	39.777.785.580



Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2021



Ông Lê Sỹ Cường
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102569229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN**
Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **HUD.VN – Social Housing Development Joint Stock Company.**

Vốn điều lệ đăng ký là 221.195.650.000 (Hai trăm hai mươi một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn Việt Nam đồng).

Trụ sở chính: Tầng 5 Tòa nhà 21 Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
-

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính:***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

2021
Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50 năm
Máy móc, thiết bị	6-20 năm
Phương tiện vận tải	6-15 năm
Thiết bị văn phòng	3-6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Tại ngày 30/06/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Tiền mặt	10.378.003.177	7.769.591.014
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.485.084.681	86.197.406.137
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	138.463.607.651	48.508.062.445
+ NH MB - chi nhánh Long Biên	-	-
+ NH TMCP Quốc Dân	86.463.607.651	41.508.062.445
+ NH BIDV - chi nhánh Hoàng Mai	20.000.000.000	-
+ NH VIB chi nhánh Hai Bà Trưng	32.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	<u>164.326.695.509</u>	<u>142.475.059.596</u>

V.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Tại ngày 30/06/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.474.212.955	19.714.934.303
- Khách hàng cá nhân mua nhà, căn hộ	11.474.212.955	19.714.934.303
Cộng	<u>11.474.212.955</u>	<u>19.714.934.303</u>

V.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Tại ngày 30/06/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.584.459.409	1.683.459.409
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp - Chi nhánh Miền Bắc	144.802.800	144.802.800
- Công ty CP TV XD Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	22.669.000	22.669.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	8.812.000	8.812.000
- Công ty TNHH Kiểm toán KDG Việt Nam	-	99.000.000
- Công ty TNHH SX và DV TM Lộc Thịnh	500	500
- Công ty Cổ phần Địa Tín	1.408.175.109	1.408.175.109
Cộng	<u>1.584.459.409</u>	<u>1.683.459.409</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

V. 4 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

V. 5 PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	4.984.285.001	-	5.157.285.001	-
- Lãi dự thu	315.920.777	-	139.109.809	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	5.600.205.778	-	5.596.394.810	-

V. 6 HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	179.112.166	-	179.112.166	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.090.196.529	-	45.973.890.033	-
+ Dự án Sơn Tây	31.734.445.347	-	44.618.138.851	-
+ Dự án Hà Tĩnh	-	-	-	-
+ Dự án Mỹ Đức	1.355.751.182	-	1.355.751.182	-
Cộng	33.269.308.695	-	46.153.002.199	-

V. 7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngắn hạn	356.060	2.492.424
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	356.060	2.492.424
Dài hạn	13.991.250	26.724.167
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	13.991.250	26.724.167
Cộng	14.347.310	29.216.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến nay 30/06/2021

V. 8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý	PT vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	509.556.090	5.128.131.299	5.637.687.389
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	509.556.090	5.128.131.299	5.637.687.389
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	509.556.090	4.972.839.327	5.482.395.417
Tăng trong năm	-	136.539.310	136.539.310
<i>Trích khấu hao</i>	-	136.539.310	136.539.310
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	509.556.090	5.109.378.637	5.618.934.727
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	-	155.291.972	155.291.972
Tại ngày 30/06/2021	-	18.752.662	18.752.662

V. 9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	36.500.000	36.500.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2021	36.500.000	36.500.000
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	36.500.000	36.500.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2021	36.500.000	36.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 30/06/2021	-	-

V. 10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUDSE	8.640.000.000	(229.667.901)	8.640.000.000	(229.667.901)
Cộng	8.640.000.000	(229.667.901)	8.640.000.000	(229.667.901)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

V. 11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Bất động sản G6	-	-	357.103.185	357.103.185
- Công ty CP Xây dựng Bảo tàng HCM	-	-	135.000.000	135.000.000
- Công ty CP thương mại & sản xuất NSC	57.365.090	57.365.090	57.365.090	57.365.090
- Công ty TNHH Song Việt	105.834.649	105.834.649	105.834.649	105.834.649
- Các đối tượng khác	9.749.008	9.749.008	9.749.008	9.749.008
Cộng	172.948.747	172.948.747	665.051.932	307.948.747

V. 12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 30/06/2021
<i>Phải nộp</i>				
Thuế TNDN	(1.656.461.780)	-	353.576.957	(2.010.038.737)
Thuế TCNC	156.384.381	74.163.775	180.756.695	49.791.461
Cộng	(1.500.077.399)	74.163.775	534.333.652	(1.960.247.276)

V. 13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	221.195.650.000	1.412.594.774	1.958.405.462	224.566.650.236
Tăng trong năm	-	-	460.579.420	460.579.420
- Lãi trong năm	-	-	460.579.420	460.579.420
Giảm trong năm	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	221.195.650.000	1.412.594.774	2.258.984.882	224.867.229.656

(1) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 109/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b. Chi tiết vốn đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô Thị HUD	161.391.240.000	73%	161.391.240.000	73%
Nguyễn Thị Ngọc Phương	56.961.610.000	26%	56.961.610.000	26%
Vốn góp của cổ đông khác	2.842.800.000	1%	2.842.800.000	1%
TỔNG CỘNG	221.195.650.000	100%	221.195.650.000	100%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Doanh thu bán hàng dự án Sơn Tây	15.678.019.615	19.200.000.000
Cộng	15.678.019.615	19.200.000.000

VI.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.952.335.002	15.317.500.000
Cộng	14.952.335.002	15.317.500.000

VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.352.126.494	3.154.639.678
Cộng	2.352.126.494	3.154.639.678

VI.4 THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình dự án CT2A1 Tây Nam Linh Đàm	1.100.000.000	-
- Các khoản khác	84.768.432	3.146.790
Cộng	1.184.768.432	3.146.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

VI.5 CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
- Các khoản bị phạt	7.623.063	-
- Các khoản khác	-	-
Cộng	7.623.063	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**VII.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUDSE	Công ty liên kết, liên doanh		
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ		

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

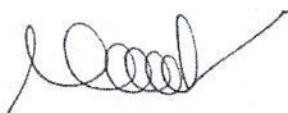
<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải trả</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUDSE	Công ty liên kết, liên doanh	Đầu tư tài chính dài hạn	8.640.000.000	-
		Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(229.667.901)	-

VII.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà xã hội – HUD.VN chưa được kiểm toán.

VII.3 NHỮNG SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2021



Ông Lê Sỹ Cường
Tổng Giám đốc